

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2022

V/v: Chị Nguyễn Thị G xin ly

hôn anh Vũ Văn Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Niên.

Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn TL, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn Th**, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn M, xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:***

Chị và anh Vũ Văn Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 8 năm 2007 tại UBND xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống không hạnh phúc, liên tục xảy ra cãi vã do kinh tế khó khăn, con nhỏ nhưng anh Th không chịu đi làm, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con. Vì thương con, chị đã cố gắng nín nhịn, chịu đựng. Từ năm 2010 đến năm 2013, anh Th đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con, trang trải cuộc sống gia đình. Hết hạn hợp đồng, anh Th về nước, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ năm 2014 đến tháng 02 năm 2022, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và gửi hai con nhờ bố mẹ đẻ chị nuôi dưỡng,. Trong khoảng thời gian này, anh Th và gia đình phó mặc việc nuôi dưỡng hai con cho bố mẹ đẻ chị, không qua lại, không quan tâm, không hỏi han hay có trách nhiệm gì đến các con. Cuối năm 2021, con Vũ Thị Huyền Tr bị bệnh nặng, nguy hiểm đến tính mạng, phải cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Nhi Hà Nội thời gian 02 tháng. Từ khi con nhập viện, anh Th và gia đình không một lời hỏi han tình trạng bệnh của con/cháu trong khi mẹ đẻ chị phải bỏ công, bỏ việc lên bệnh viện chăm cháu. Do quá bức xúc, chị điện thoại cho anh Th thì anh Th mới lên trông con được 01 tuần. Anh Th không quan tâm đến chị, chị chấp nhận nhưng khi các con ốm đau, nguy hiểm đến tính mạng mà anh Th vẫn thờ ơ thì chị không thể chấp nhận được. Trong khoảng thời gian chị đi xuất khẩu lao động, chị và anh Th chỉ liên lạc duy nhất với nhau 02 lần là khi bố đẻ anh Th chết và khi con chị ốm cấp cứu. Đầu năm 2022, hết hạn hợp đồng, chị về nước, do xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, chị không về nhà anh Th ở mà về ở tại nhà bố mẹ đẻ chị từ đó đến nay. Mặc dù là vợ chồng hợp pháp nhưng trên thực tế, chị và anh Th đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Đối với bố mẹ đẻ chị, thời điểm trước, trong 01 năm anh Th có qua nhà 01 đến 02 lần nhưng khoảng 02 năm trở lại đây anh Th không một lần qua lại nhà bố mẹ đẻ chị, kể cả ngày lễ, tết. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn là có và không thể hàn gắn, chị xin được ly hôn anh Th.

Chị và anh Vũ Văn Th có hai con chung là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, vì các con đều là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, cần sự chăm sóc của mẹ, các con đều có nguyện vọng ở cùng chị. Về phía anh Th, làm nghề buôn bán tự do, nay đây mai đó, không cố định. Do đó, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị. Việc chị nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ về vật chất và tinh thần của bố mẹ đẻ chị.

Chị và anh Vũ Văn Th không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, không có công sức đóng góp vào khối tài sản của người khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

*** Đối với bị đơn anh Vũ Văn Th:** Tòa án đã giao trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Th, gửi hợp lệ qua đường bưu điện và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Th theo quy định của pháp luật nhưng anh Th không đến Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án yêu cầu.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2022, văn bản trình bày nguyện vọng ngày 04 tháng 7 năm 2022, cháu Vũ Thị Huyền Tr trình bày:**

Bố đẻ cháu là Vũ Văn Th. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị G. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2022, văn bản trình bày nguyện vọng ngày 04 tháng 7 năm 2022, cháu Vũ Phương T trình bày:**

Bố đẻ cháu là Vũ Văn Th. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị G. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

*** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 15 tháng 6 năm 2022, bà Trần Thị T (mẹ đẻ chị G) trình bày:**

Chị G, anh Th kết hôn với nhau vào năm 2007. Về mâu thuẫn giữa anh chị là có do kinh tế khó khăn, con nhỏ, hay đau ốm. Năm 2010 đến năm 2013, anh Th đi xuất khẩu lao động nhưng không gửi tiền về cho chị G nuôi con. Năm 2014 đến đầu năm 2022, chị G gửi hai con nhờ gia đình bà nuôi dưỡng để đi xuất khẩu

lao động, trong khoảng thời gian này anh Th và gia đình không qua lại, quan tâm hay có trách nhiệm gì đến con/cháu. Ví dụ: Nhà hai bên rất gần nhưng hầu như anh Th và gia đình không đến thăm, đón các cháu, không gửi tiền ăn, tiền học, không mua quà, bánh cho các cháu, thậm chí nếu có hỏi thì anh Th cũng không biết con đang học lớp mấy, trường nào. Cuối năm 2021, con lớn của anh chị bị bệnh nặng, phải cấp cứu và điều trị tại bệnh viện trên Hà Nội gần 02 tháng nhưng anh Th và gia đình không một lời hỏi han, chỉ khi chị G điện thoại thì anh Th mới lên trông con được 01 tuần. Khi chị G kết thúc hợp đồng lao động về nước và về nhà bà ở nhưng cả một tháng sau đó và đến thời điểm này, anh Th cũng không sang tìm về. Kể cả khi chị G nộp đơn ly hôn, anh Th cũng không sang nói chuyện với chị G hay nhờ gia đình bà can thiệp để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị G xin ly hôn anh Th, là bố mẹ không ai mong muốn các con phải ly hôn nhưng từ khi kết hôn với anh Th, cuộc sống của chị G thực sự quá khổ, quá vất vả. Từ 02 năm trở lại đây, anh Th không sang nhà bà kể cả ngày lễ, tết, do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn anh Th để chị G ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống, yên tâm nuôi dạy con.

Chị G, anh Th có hai con chung là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao hai con chung của anh chị cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị G nuôi con còn có sự quan tâm, hỗ trợ về vật chất và tinh thần của gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 6 năm 2022, bà Trần Thị D (mẹ đẻ anh Th) trình bày:***

Chị G, anh Th kết hôn với nhau vào năm 2007. Sau kết hôn anh chị sống cùng gia đình bà một thời gian sau đó sang nhà bố mẹ đẻ chị G ở. Về mâu thuẫn giữa anh chị như thế nào do bà không ở cùng nên không biết. Khi chị G đi xuất khẩu lao động thì anh Th về sống cùng bà, hai con của anh chị ở cùng ông bà ngoại. Khi chị G về nước, anh chị cũng không sống cùng nhau. Anh chị có hai con chung là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010, đang ở cùng chị G. Nay chị G xin ly hôn anh Th, mong muốn của bà là anh chị quay về đoàn tụ, còn nếu chị G vẫn cương quyết

xin ly hôn anh Th thì bà đề nghị Tòa án giao hai con chung của anh chị cho anh Th nuôi dưỡng, chị G phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Anh Th làm nghề tự do, nay đây mai đó nhưng vẫn thường xuyên có mặt ở nhà, lần anh Th về nhà gần đây nhất là đầu tháng 4 năm 2022. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh Th, bà đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh Th. Anh Th đã biết được việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn do không đồng ý ly hôn nên anh Th không đến Tòa án. Do bà tuổi cao, sức yếu, các văn bản tố tụng tiếp theo Tòa án gửi cho anh Th, bà sẽ nhận và nhờ gia đình thông báo cho anh Th nhưng bà không chắc anh Th sẽ đến Tòa án và không chắc sẽ giao lại được cho anh Th. Nếu anh Th vắng mặt, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 16 tháng 6 năm 2022, đại diện thôn M, đại diện UBND xã VH và đại diện Công an xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp:***

Chị G, anh Th đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã VH, huyện V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01, ngày 31 tháng 8 năm 2007. Anh Th hiện cư trú tại thôn M, xã VH và làm nghề buôn bán tự do. Chị G trước đi xuất khẩu lao động, hiện đã hết hạn hợp đồng và về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn TL, xã VH. Về mâu thuẫn giữa anh chị có hay không địa phương không biết do không có phản ánh lại, địa phương chỉ biết hiện tại anh chị không sống cùng nhau. Chị G, anh Th có hai con chung là Vũ Thị Huyền Tr và Vũ Phương T, đang ở cùng chị G. Về nghĩa vụ về tài sản của chị G, anh Th, theo địa phương là không có. Nay chị G xin ly hôn anh Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy

định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị G được ly hôn anh Th. Giao hai con chung của anh chị là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị G không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho hai con chung. Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung. Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị G khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn Th, anh Th có nơi cư trú tại xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Vũ Văn Th, gửi hợp lệ qua đường bưu điện và niêm yết các văn bản tố tụng khác cho anh Th theo quy định của pháp luật nhưng anh Th không đến Tòa án, không giao nộp văn bản ghi ý kiến của anh Th đối với yêu cầu khởi kiện của chị G và tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Th.

[1.3] Ngày 20 tháng 7 năm 2022, chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Vũ Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị G, anh Th.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND VH, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyển số 01, ngày 21 tháng 8 năm 2007, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo chị G là do kinh tế gia đình khó khăn, các con nhỏ, thường xuyên đau ốm nhưng anh Th không quan tâm đến vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, mặc dù anh chị kết hôn từ năm 2007 nhưng trên thực tế thời gian sống chung không nhiều, khi chị đi xuất khẩu lao động anh chị hầu như không liên lạc với nhau, khi chị hết hạn hợp đồng lao động về nước anh chị cũng mỗi người sống một nơi. Về phía anh Th, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Th đều vắng mặt không có lý do, không có lời khai thể hiện ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng, điều đó thể hiện anh Th không có trách nhiệm trong việc duy trì hôn nhân, không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G, anh Th là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho ly hôn giữa chị G và anh Th.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn Th có hai con chung là Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010. Xét thấy: Các con hiện đang ở cùng chị G cuộc sống ổn định, các con đều là con gái, đang độ tuổi trưởng thành, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, về phía anh Th do đặc thù công việc nên không thường xuyên có mặt tại địa phương, không có thời gian chăm sóc con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con của anh chị, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị G, giao hai con chung của anh chị là Trang, Thủy cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung, xét việc chị G không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho các con chung là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, HĐXX chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị G khai anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Vũ Văn Th không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G, anh Vũ Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Thị Huyền Tr, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2008 và con Vũ Phương T, sinh ngày 31 tháng 7 năm 2010. Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị G không yêu cầu anh Vũ Văn Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

2.2. Anh Vũ Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn Th có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001119 đề ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị G và anh Vũ Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VH, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy CNKH số 54, quyền số 01, ngày 21/8/2007);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương